

Hướng dẫn cho du học sinh nước ngoài nhập cảnh vào Nhật Bản tuân theo các quy định về phòng chống lây nhiễm Covid-19

Dưới đây là những thông tin cập nhật ngày 1/11/2020.

Nội dung cụ thể có thể sẽ thay đổi tùy vào tình hình và thời điểm, vì vậy hãy liên lạc đến trường học hoặc cơ quan đơn vị tiếp nhận bạn để hỏi thêm chi tiết.

Step 1. Những việc cần làm ở nước sở tại



① Nộp "Thư đồng ý về việc cung cấp thông tin vị trí"

位置情報提供についての同意書
Agreement Form about presenting a record of location information

以下の(1)と(2)について、情報提供を求められた際には、保健所やABK学館日本語学校等に、位置情報の記録を提示することに同意します。
When I am requested to provide information on (1) and (2) below, I agree to present a record of location information to the public health center or ABK College.

Sample

(1) 入国時に、携帯するスマートフォンの地図アプリ機能等を利用した位置情報の保存を開始し、また、入国後14日間、位置情報を保存すること。
At the time of entry Japan, start saving the location information with using the map application of the smartphone you carry, and save the location information for 14 days after entering Japan.

(2) 入国後14日以内に陽性となった場合、スマートフォン等に保存した入国後の位置情報を速やかに保健所に提示するなど、その調査(感染症の予防及び感染症の患者に対する医療に関する法律第15条に基づく積極的疫学調査)に協力すること。
If the inspection result is positive within 14 days after entering Japan, cooperate with the investigation such as promptly presenting the location information after entering Japan stored on a smartphone to the health center.

日付 / Date : _____

英語氏名 / Name : _____

ABK学館番号 / ABK Student No. : _____

署名 / Signature : _____

▪ Tên gọi của hồ sơ:

"Thư đồng ý về việc cung cấp thông tin vị trí"

▪ Cách lấy hồ sơ:

Lấy từ trường đang theo học v.v...

▪ Nơi nộp hồ sơ:

Trường học hoặc cơ quan đơn vị tiếp nhận bạn.

▪ Lý do nộp:

Vì đã được quy định trong nội dung 2 - (1) - ㄈ trong Giấy cam kết, là một trong những giấy tờ cần thiết để xin visa du học (xem ở trang tiếp theo).

② Lấy tư cách lưu trú (visa) du học

▪ Hãy đến Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Nhật Bản tại nước sở tại để lấy visa.



▪ Những hồ sơ cần thiết để xin visa bao gồm:

1. Đơn xin cấp visa (có dán ảnh)
2. Hộ chiếu
3. Giấy chứng nhận tư cách lưu trú
4. Giấy phép nhập học
5. 2 bản photo của Giấy cam kết

} Giải thích chi tiết ở trang tiếp theo

Hãy xác nhận thêm với Đại sứ quán Nhật Bản tại nước sở tại.

Giấy chứng nhận tư cách lưu trú

別記第六号の四様式 (第六条の二関係)
在留資格認定証明書
CERTIFICATE OF ELIGIBILITY
日本国政府法務省
Ministry of Justice, Japanese Government 番号 No. [redacted]

氏名 [redacted] 性別 [redacted] 写真 photo
Name Family Name Given Name Sex M F
国籍・地域 [redacted] 生年月日 [redacted] 年 [redacted] 月 [redacted] 日
Nationality (Region) Date of Birth
日本での職業及び勤務(進学)先等
Profession or Occupation/Organization to be employed or to study in Japan
上記の者は、次の在留資格に關して出入国管理及び難民認定法第7条第1項第2号に掲げる上陸のための条件に適合していることを証明します。
Under the following status, it is hereby certified that the above-mentioned person meets requirement for the landing provided in Article 7, Paragraph 1, Item 2 of the Immigration Control and Refugee Recognition Act.
在留資格 日本人の配偶者等
Status Spouse or Child of Japanese National One year
Date [redacted] 年 [redacted] 月 [redacted] 日
東京入国管理局長
Director General of Tokyo Regional Immigration Bureau
【注意】 Notice
1 本証明書は、上陸の許可そのものではなく、本証明書を所持していても、在外公館において査証を取得していなければ上陸を許可されません。
This certificate is not an entry permit. Even if you have this certificate, you are not admitted into Japan unless you get an entry visa at a Japanese Embassy or Consulate abroad.
2 本証明書は、上記の日付日から3月以内に査証と共に入国審査官に提出して、上陸の申請を行わないときは、効力を失います。
This certificate should be submitted to an Immigration Inspector with an entry visa for the landing permission at the port of entry, and shall cease to be valid if the application for landing permission is not filed within 3 months from the date of issue.
3 本証明書は、上陸の許可を保證するものではなく、後の上陸のための条件に適合しない場合又は事情の変更があった場合は上陸を許可されないことがあります。
This certificate does not guarantee the entry of the person concerned. In case that an applicant does not fulfill other requirements for landing or the relevant circumstances are found to be changed, the landing permission would be denied.

Giấy phép nhập học

学校法人 ABK 学館 ABK 学館日本語学校
〒113-0021 東京都文京区本駒込 2-12-12 電話 03-6912-0756 FAX 03-6912-0757 E-mail info@abk.ac.jp URL www.abk.ac.jp
ABK COLLEGE
12-12, Honkomagome 2-Chome, Bunkyo-ku, Tokyo 113-0021, Japan Phone 81-3-6912-0756 FAX 81-3-6912-0757

入学許可書 CERTIFICATE OF ADMISSION
下記の者、書類選考の結果、学校法人 ABK 学館 ABK 学館日本語学校への入学を許可する。
This is to certify that the below-mentioned person is hereby admitted to ABK COLLEGE.

氏名 [redacted]
NAME [redacted]
生年月日 [redacted]
DATE OF BIRTH [redacted]
出身国・地域 [redacted]
COUNTRY/REGION [redacted]
受付番号 [redacted]
REFERENCE NO. [redacted]
課程 [redacted]
COURSE [redacted]
発行日 [redacted]
DATE OF ISSUE [redacted]
入学予定時期 [redacted]
ENTRANCE DATE [redacted]

学校法人 ABK 学館
ABK 学館日本語学校 校長 佃 吉
Mr. TSUKUDA Yoshikazu Principal, ABK COLLEGE

Giấy cam kết (bản photo)

Residence Track
(2020年9月17日更新)
(外国人レジスタストラック)
外務大臣 閣
厚生労働大臣 閣
誓約書

1 一般的事項
(企業・団体名) [redacted] は、下記の事(以下「対象者」といいます。)の本邦入国に際し、以下の事項を誓約いたします。
(1) 対象者 名前 (アルファベット) 国籍 [redacted] 経歴番号 [redacted] 出発国・地域 [redacted] 本邦滞在予定期間 [redacted]
入国拒否の対象地域から入国する場合、右欄にチェックを入れること ☐
(2) 誓約内容
ア 対象者の訪日目的が真に意を要し、必要不可欠なものであること。
訪日目的: [redacted]
(真に意を要し、必要不可欠な理由を具体的に記載。)
イ 対象者が、入国前 14 日以内に出入国管理及び難民認定法(昭和 26 年政令第 219 号)に基づく入国拒否の対象地域(出発国・地域を除く。)に滞在歴がないことを保証すること。(注)
(注) 出発国・地域から訪日する途中で入国拒否の対象地域を経由する際、当該国・地域に入国・入域許可を受けて入国・入域している場合は、滞在歴があるものとします。
ウ 対象者に対し、本邦入国後に厚生労働省の要請に従った行動をとらせ、そのために必要な管理を行うこと。
エ 対象者に対し、新型コロナウイルス感染症の感染拡大につながるおそれのある対人接触や行動を行わないよう指導及び監督すること。
オ 対象者が、上記ウの厚生労働省の要請に従った行動をとった場合又は上記エの指導若しくは監督に従わない場合には厚生労働省検疫所業務管理課に対して、また、新型コロナウイルス感染症の疑いのある症状を有することが確認された場合には、対象者の自宅又は宿泊場所を管理する保健所に対して、直ちに報告するとともに、日本国政府の関係当局の指示に従うこと。

2 防疫事項
当企業・団体として、以下の事項について、対象者に説明の上、本人の同意を得たこと、また、その実施を確保するための必要な措置をとることを誓約いたします。
(1) 対象者が入国拒否の対象地域から入国する場合
対象者は、入国前 14 日間、検疫を行い、仮に発熱や呼吸器症状、倦怠感等を含む新型コロナウイルス感染症の症状が認められる場合には、本邦への渡航を中止すること。
イ 対象者は、検疫出発前 72 時間以内に新型コロナウイルスに関する検査を受け、所定のフォーマットを用いて検疫医療機関から、「陰性」であることを証明する検査証明を取得し、本邦入国時には検疫官及び入国審査官に対し、当該証明又はその写しを提出できない場合は、提出し、また、対象者は、入国審査官に当該証明又はその写しを提出できない場合は、出入国管理及び難民認定法の規定に基づき、入国拒否の対象となることについて理解すること。
ウ 対象者は、入国時に、民間医療保険(滞在期間中の医療費を補償する旅行保険を含む。)に加入していること。
エ 対象者又は受入企業・団体は、入国時に、対象者又は受入企業・団体が使用するスマートフォンに L1 N 型アプリをインストールし、また、入国後 14 日間毎日、同アプリを活用し、対象者の自宅に滞在

Giấy cam kết này thể hiện cam kết của trường học (hoặc cơ quan tiếp nhận bạn) đối với chính phủ Nhật Bản về việc nắm bắt thông tin về những hoạt động của người nhập cảnh.
URL: <https://www.mofa.go.jp/files/100135223.pdf>

③Theo dõi sức khỏe 14 ngày trước khi xuất cảnh



- Hãy ghi lại nhiệt độ cơ thể của 14 ngày trước khi vào Nhật Bản.
- Hãy hủy lịch bay nếu có các triệu chứng của Covid-19 như sốt trên 37.5°C, có bất thường ở cơ quan hô hấp, hoặc cảm thấy mệt mỏi v.v...

④ Hãy đặt vé máy bay.



- Hãy cố gắng chọn chuyến bay đến nơi vào buổi sáng.
- Khả năng được nhập cảnh trong ngày sau khi kiểm tra PCR ở sân bay là sẽ rất cao.

⑤ Lấy "Giấy chứng nhận xét nghiệm COVID-19".

COVID-19に関する検査証明
Certificate of Testing for COVID-19

Date of issue _____
交付年月日 _____

氏名 _____ パスポート番号 _____
Name _____ Passport No. _____
国籍 _____ 生年月日 _____ 性別 _____
Nationality _____ Date of Birth _____ Sex _____

上記の者の COVID-19 に関する検査を行った結果、その結果は下記のとおりである。
よって、この証明を交付する。
This is to certify the following results which have been confirmed by testing
for COVID-19 conducted with the sample taken from the above-mentioned person.

採取検体 Sample (下記いずれかを選択) Check one of the boxes below	検査法 Testing for COVID-19 (下記いずれかを選択) Check one of the boxes below	結果 Result	①検査年月日 ②検体採取日時 Sampling Date and Time	備考 Remarks
☒ 鼻咽腔ぬぐい液 Nasopharyngeal Swab	☐ 核酸増幅検査 (real time RT-PCR 法) nucleic acid amplification test (real time RT-PCR)	Negative	① 29 th May 2020 ② 29 th May 2020 17N 337	
☐ 唾液 Saliva	☒ 核酸増幅検査 (LAMP 法) nucleic acid amplification test (LAMP)			
	☐ 抗原定量検査 antigen test (ELISA)			

医療機関名 Medical institution _____
住所 Address of the institution _____
医師名 Signature by doctor _____

An imprint of
a seal 印影

▪ Tên gọi của hồ sơ:

Giấy chứng nhận xét nghiệm COVID-19

▪ Cách lấy hồ sơ (download)

https://www.mofa.go.jp/ca/fna/page25e_000334.html

▪ Hãy đến bệnh viện ở nước sở tại để làm xét nghiệm trước khi nhập cảnh vào Nhật **trong vòng 72 tiếng đồng hồ.**

▪ Hãy dùng mẫu hồ sơ đã định.

Cần có ký tên hoặc đóng dấu của bác sĩ.

▪ Hồ sơ này sẽ nộp ở sân bay phía Nhật Bản.

⑥ Mua Bảo hiểm y tế thương mại



- Hãy mua Bảo hiểm y tế thương mại.
- Hãy chuẩn bị giấy tờ chứng minh bạn đã mua Bảo hiểm y tế thương mại.
- Những người đang tham gia bảo hiểm y tế công của Nhật thì việc có tham gia bảo hiểm y tế thương mại hay không là tùy ý.

⑦ Cài đặt phần mềm xác nhận tiếp xúc

iPhone users



▪ Hãy cài đặt phần mềm xác nhận tiếp xúc COCOA.

Android users



▪ Khi nhập cảnh sẽ có phần kiểm tra bạn đã cài đặt phần mềm chưa.

(URL: https://www.meti.go.jp/covid-19/ourai/pdf/residence_truck.pdf
Trang thứ 19, 22 của phần "Về những thủ tục theo diện cư trú")

⑧ Cài đặt phần mềm bản đồ



- Hãy cài đặt phần mềm bản đồ.
- Cần phải lưu lại thông tin vị trí trong vòng 14 ngày sau khi nhập cảnh vào Nhật Bản.
- Khi nhập cảnh sẽ có phần kiểm tra bạn đã cài đặt phần mềm chưa.

(URL: https://www.meti.go.jp/covid-19/ourai/pdf/residence_truck.pdf
Trang thứ 19, 23 của phần "Về những thủ tục theo diện cư trú")

Bảng kiểm tra những việc cần làm ở nước sở tại

- ☐ ① Nộp "Thư đồng ý về việc cung cấp thông tin vị trí"
- ☐ ② Lấy tư cách lưu trú (visa) du học
- ☐ ③ Theo dõi sức khỏe 14 ngày trước khi xuất cảnh
- ☐ ④ Hãy đặt vé máy bay.
- ☐ ⑤ Lấy "Giấy chứng nhận xét nghiệm COVID-19".
- ☐ ⑥ Mua Bảo hiểm y tế thương mại
- ☐ ⑦ Cài đặt phần mềm xác nhận tiếp xúc
- ☐ ⑧ Cài đặt phần mềm bản đồ

Khi bạn đánh dấu ☒ xong hết thì việc chuẩn bị cũng hoàn tất.

Đừng quên những việc dưới đây!

— Bảng kiểm tra hồ sơ cần mang sang Nhật —

- ☐ Hộ chiếu
- ☐ Giấy cam kết
- ☐ Giấy phép nhập học
- ☐ Giấy chứng nhận xét nghiệm COVID-19
- ☐ Giấy tờ chứng minh đã mua Bảo hiểm y tế thương mại
- ☐ Đơn đăng ký giấy phép cho làm thêm

... <http://www.moj.go.jp/content/001293686.xlsx>

Step 2. Những việc làm trên máy bay



① Điền vào Bảng câu hỏi

QUESTIONNAIRE 2020-05-27 EN3F-Front

Outbreak of Novel Coronavirus (2019-nCoV) has been reported around the world.
This form is for detecting patients early and contacting persons who might have had close contact with patients.
Please fill out correctly and clearly in "ENGLISH" with "CAPITAL and BLOCK LETTERS" and in black or blue ink. Your personal information may be shared with public health center.

Please respond to the following questions by placing a check mark (X) in the answer box that corresponds to your response and/or fill in the blank where indicated.

Have you stayed in the following prevalent regions in the past 14 days?
China, Hong Kong, Macao, Taiwan, Korea, Indonesia, Singapore, Thailand, Philippines, Brunei, Viet Nam, Malaysia, Maldives, India, Pakistan, Bangladesh, San Marino, Iceland, Andorra, Italy, Estonia, Austria, Netherlands, Switzerland, Spain, Slovenia, Denmark, Germany, Norway, Vatican, France, Belgium, Malta, Monaco, Liechtenstein, Luxembourg, Ireland, Sweden, Portugal, Greece, Slovakia, Czech, Hungary, Finland, Belarus, Bosnia and Herzegovina, Poland, Latvia, Lithuania, United Kingdom, Cyprus, Croatia, Kosovo, Bulgaria, Romania, Albania, Armenia, Moldova, Montenegro, North Macedonia, Serbia, Ukraine, Russia, Azerbaijan, Kazakhstan, Tajikistan, Kyrgyz, United Arab Emirates, Iran, Israel, Oman, Qatar, Kuwait, Saudi Arabia, Turkey, Bahrain, Afghanistan, Egypt, Côte d'Ivoire, Democratic Republic of the Congo, Djibouti, Mauritius, Morocco, Cabo Verde, Gabon, Guinea-Bissau, São Tomé and Príncipe, Equatorial Guinea, Ghana, Guinea, South Africa, United States of America, Canada, Antigua and Barbuda, Ecuador, Saint Christopher and Nevis, Chile, Dominica, Dominican Republic, Barbados, Panama, Brazil, Peru, Bolivia, Bahamas, Mexico, Uruguay, Honduras, Colombia, El Salvador, Argentina, Australia, New Zealand

☐ Y : YES
☐ N : NO

① NAME in Full FIRST MIDDLE LAST
② NATIONALITY
③ PASSPORT No.
④ Sex M : Male F : Female DATE of BIRTH YEAR / MONTH / DATE Arrival Date MONTH / DATE
⑤ Flight No. AIRLINE code No. SEAT No. No. If crew, please write as such.
Contact Address in Japan (If transit, please write the final destination in ⑥.)
⑥ PREFECTURE ⑦ CITY WARD ⑧ TEL without "-"
⑨ Street address, Hotel name, etc.
⑩ e-mail address
⑪ Have you had any contact with people with symptoms such as fever or cough in the past 14 days? Y: YES N: NO
⑫ Have you had any contact with infected patients in the past 14 days? Y: YES N: NO
⑬ Are you feeling sick? Y: YES N: NO
⑭ If yes, specify symptoms A: fever B: Cough C: Fatigue D: Other Symptoms ()
⑮ Are you taking any medications such as antipyretics, cold medicines or painkillers? Y: YES N: NO
If you do not live in Japan, please answer the following questions.

▪ Tên gọi của hồ sơ:

QUESTIONNAIRE (Bản câu hỏi)

▪ Hãy điền vào Bảng câu hỏi sẽ được phát trên máy bay.

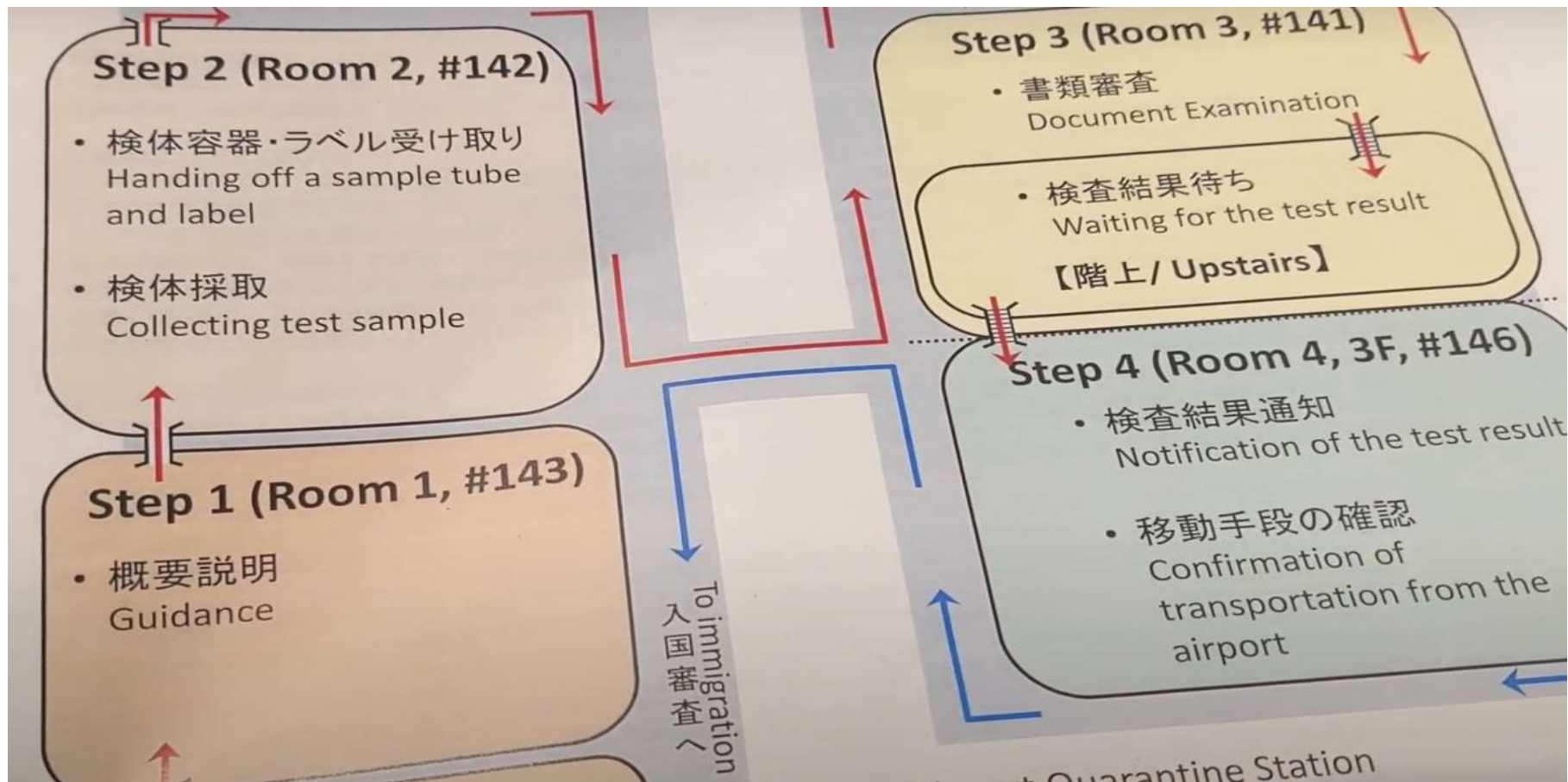
▪ Ở mục "Contact Address in Japan", hãy điền thông tin trường học sẽ tiếp nhận bạn.

▪ Hãy hỏi tiếp viên hàng không nếu có điều gì bạn không rõ về bảng câu hỏi.

Step 3. Đến Nhật Bản rồi thì sẽ làm gì ?



Những việc sẽ làm sau khi xuống máy bay



① Xét nghiệm PCR



- Bạn sẽ được xét nghiệm PCR tại sân bay.
- Thời gian cho đến khi có kết quả là từ 2 tiếng cho đến 2 ngày.
- Trong trường hợp trong ngày không có kết quả thì sẽ di chuyển đến khách sạn cho chính phủ Nhật chỉ định hoặc đến một địa điểm lưu trú do nhà trường chỉ định.

② Nộp tất cả hồ sơ cần thiết ở trạm kiểm dịch của sân bay

Hãy nộp những hồ sơ sau ở trạm kiểm dịch của sân bay.



1) Giấy cam kết

→ là hồ sơ do nhà trường cung cấp.

2) Giấy chứng nhận xét nghiệm COVID-19

→ là hồ sơ cần lấy từ bệnh viện trước khi đến Nhật.

(mẫu hồ sơ do nhà trường cung cấp)

3) QUESTIONNAIRE (Bảng câu hỏi)

→ Được phát trên máy bay.

③Kiểm tra nhập cảnh → Nhận hành lý



▪ Sau khi nhận kết quả xét nghiệm PCR thì sẽ đến phần Kiểm tra nhập cảnh.

Hãy cài đặt ứng dụng SNS LINE vào máy của bạn.



▪ Sau khi xong phần Kiểm tra nhập cảnh thì mới có thể nhận hành lý.

④ Di chuyển từ sân bay đến địa điểm cư trú

- Không thể sử dụng những phương tiện giao thông công cộng như tàu điện, xe bus, taxi v.v...
- Về phương tiện di chuyển thì hãy liên hệ với nhà trường.

⑤ Thời gian 14 ngày cách ly

- Hãy tránh ra ngoài và tiếp xúc với người khác trong thời gian 14 ngày tính từ sau ngày nhập cảnh 1 ngày.
- Hãy chọn tạm trú ở những địa điểm có phòng ở, nhà tắm và nhà vệ sinh riêng (như khách sạn, căn hộ cho thuê ngắn ngày v.v...). Đừng sử dụng những công trình công cộng (bếp ăn v.v...) ở bên ngoài phòng riêng nếu có.
- Hãy đừng sử dụng nhà hàng ăn uống.

⑥ Kiểm tra sức khỏe trong 14 ngày

毎日の体調確認 Daily Health Check

本日の体調についておしえてください。 Please tell us about your physical condition.

1. 名前 Name 

記述式テキスト (短文回答)

Sample

5. 今日の体温は何℃ですか? What is your body temperature(°C) today? *

☐ 35.0℃ ~ 35.4℃

☐ 35.5℃ ~ 35.9℃

☐ 36.0℃ ~ 36.4℃

☐ 36.5℃ ~ 36.9℃

☐ 37.0℃ ~ 37.4℃

☐ 37.5℃ ~ 37.9℃

☐ 38.0℃ ~ 38.4℃

☐ 38.5℃ ~

- Kiểm tra sức khỏe hàng ngày trong thời gian 14 ngày.
- Trường học hoặc những cơ quan tiếp nhận bạn có nghĩa vụ phải báo cáo với chính phủ Nhật Bản về tình hình sức khỏe của bạn trong vòng 14 ngày.
- Hằng ngày sẽ phải đo nhiệt độ cơ thể, vì vậy hãy mang theo nhiệt kế.

⑦ Bạn có thể tham gia lớp học kể từ ngày thứ 15 sau khi nhập cảnh.



- Sẽ có rất nhiều việc phải làm từ khi chuẩn bị cho đến kết thúc 14 ngày cách ly sau khi nhập cảnh.
- Hãy tận hưởng cuộc sống du học ở Nhật Bản nhưng cũng đừng quên chú ý đề phòng Covid-19.